

## MỤC LỤC

<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>1</b>	<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>1 – 2</b>
<b>2</b>	<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>3 – 4</b>
<b>3</b>	<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	5 – 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	8
	<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	9 – 30

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, tên cũ là Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005, thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty: 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng chẵn).

### **Các đơn vị thành viên**

<b>Tên</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Địa chỉ</b>
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	Số 18, ngõ 4, phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội
Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con	Khu đô thị Tứ Hiệp, Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội
Công ty TNHH Xây Lắp Hồng Hà Sài Gòn (đã giải thể theo Quyết Định số 07-1/2015/NQ-HĐQT ngày 14/09/2015 từ ngày 30/09/2015)	Công ty con	96/108 đường Trục, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	Công ty con	Cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro, Lê Chi, Gia Lâm, Hà Nội
Công ty Cổ phần Sông Đáy – Hồng Hà Dầu Khí	Công ty liên kết	Số 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

### **Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính**

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25 tháng 12 năm 2015, Công ty xác định khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23 tháng 06 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc là một khoản tổn thất. Khoản tổn thất này được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 2 năm (năm 2015 và năm 2016). Số phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2015 số tiền 38.511.250.000 đồng.

**Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này như sau:**

### **Hội đồng Quản trị:**

Ông Lê Hoàng Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó chủ tịch
Ông Trần Văn Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Bình	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc:**

Ông Lê Hoàng Anh  
Ông Hoàng Quốc Huy  
Bà Phạm Thị Cẩm Anh  
Ông Phạm Vinh Hiền  
Ông Trần Văn Long  
Bà Lê Hoài Thu

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Kế toán trưởng

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác; và
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có ảnh hưởng trọng yếu đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng trọng yếu tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2016*

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Phó Tổng Giám đốc**

**PHẠM THỊ CẨM ANH**

Số : /BCKT – TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Liên quan đến khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23 tháng 06 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc, Công ty đang nỗ lực liên hệ với Ông Nguyễn Tất Lạc để xử lý quyền và nghĩa vụ của các bên theo Hợp đồng chuyển nhượng. Để thận trọng, Công ty phân bổ 50% khoản thanh toán nói trên vào chi phí kinh doanh trong năm.

*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K**  
**Phó Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Trung Kiên**

Số giấy chứng nhận đăng ký hành  
nghề kiểm toán: 1129-2014-045-1

**Nguyễn Tiến Thành**

Số giấy chứng nhận đăng ký hành  
nghề kiểm toán: 1706-2014-045-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>500.074.300.396</b>	<b>357.441.723.733</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>156.564.748.550</b>	<b>68.199.673.928</b>
1	Tiền	111		139.564.748.550	28.428.423.928
2	Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	39.771.250.000
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>211.918.247.218</b>	<b>225.876.468.275</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02.1	180.012.014.328	166.256.529.626
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.789.155.472	11.316.000.933
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	84.142.633.318	91.021.826.216
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.03	(61.025.555.900)	(42.717.888.500)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>129.024.420.189</b>	<b>60.798.697.091</b>
1	Hàng tồn kho	141	V.04	129.024.420.189	60.798.697.091
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.566.884.439</b>	<b>2.566.884.439</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05.1	-	-
2	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.06	2.566.884.439	2.566.884.439
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>244.526.567.061</b>	<b>279.828.634.297</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16.704.646.193</b>	<b>5.063.190.081</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	16.704.646.193	5.063.190.081
	- Nguyên giá	222		26.959.379.558	13.928.603.805
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.254.733.365)	(8.865.413.724)
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.08</b>	<b>2.919.092.000</b>	<b>919.092.000</b>
	- Nguyên giá	231		2.919.092.000	919.092.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.925.525.563</b>	<b>2.660.420.963</b>
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	2.925.525.563	2.660.420.963
<b>V</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>182.564.475.612</b>	<b>269.586.975.612</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251		153.785.100.000	163.785.100.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		26.300.000.000	26.300.000.000
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.200.500.000	83.223.000.000
4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.721.124.388)	(3.721.124.388)
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>39.412.827.693</b>	<b>1.598.955.641</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05.2	39.412.827.693	1.598.955.641
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>		<b>744.600.867.457</b>	<b>637.270.358.030</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>469.221.002.810</b>	<b>366.418.803.496</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>465.249.677.810</b>	<b>357.411.472.547</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.1	271.898.165.253	147.819.640.113
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		118.302.383.394	136.875.851.848
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	3.419.872.470	1.168.854.842
4	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	18.230.322.866	3.292.054.079
5	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.516.679.551	3.009.946.725
6	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.1	49.934.737.268	60.862.201.555
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.947.517.008	4.382.923.385
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.971.325.000</b>	<b>9.007.330.949</b>
1	Phải trả người bán dài hạn	331	V.11.2	-	9.000.000.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.2	3.971.325.000	-
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	7.330.949
<b>B</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>275.379.864.647</b>	<b>270.851.554.534</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>275.379.864.647</b>	<b>270.851.554.534</b>
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.696.774.500
3	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(21.089.302.618)	(21.080.016.072)
4	Quỹ đầu tư phát triển	418		23.897.888.303	22.458.467.736
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.232.251.900	4.082.251.900
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.642.252.562	5.694.076.470
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.550.000.000	5.694.076.470
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.092.252.562	-
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>744.600.867.457</b>	<b>637.270.358.030</b>

Lập ngày 29 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ HOA VINH

LÊ HOÀI THU

PHẠM THỊ CẨM ANH

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>940.729.350.743</b>	<b>636.945.255.320</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.02</b>	<b>940.729.350.743</b>	<b>636.945.255.320</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	870.482.775.432	597.461.952.421
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>70.246.575.311</b>	<b>39.483.302.899</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	19.579.267.774	3.789.482.865
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	6.831.481.294	9.008.837.402
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.831.481.294</i>	<i>9.008.837.402</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		81.544.922.950	32.167.666.421
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>1.449.438.841</b>	<b>2.096.281.941</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.06	3.087.857.713	3.799.471.145
12. Chi phí khác	32	VI.07	1.452.374.941	214.625.436
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.635.482.772	3.584.845.709
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3.084.921.613</b>	<b>5.681.127.650</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(7.330.949)	(12.948.820)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>3.092.252.562</b>	<b>5.694.076.470</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70			

Lập ngày 29 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc

NGUYỄN THỊ HOA VINH

LÊ HOÀI THU

PHẠM THỊ CẨM ANH



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	1	<b>3.084.921.613</b>	<b>5.681.127.650</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	2	4.331.678.028	2.521.051.176
- Các khoản dự phòng	3	18.307.667.400	12.205.111.000
- Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(20.351.995.047)	(4.057.126.659)
- Chi phí lãi vay	6	6.831.481.294	9.008.837.402
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	8	<b>12.203.753.288</b>	<b>25.359.000.569</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(4.349.446.343)	(26.052.608.705)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(68.225.723.098)	60.987.629.018
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	118.308.451.234	(12.008.141.047)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	39.208.627.948	853.751.141
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.831.481.294)	(9.008.837.402)
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	17	(2.587.590.000)	(714.609.181)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	20	<b>87.726.591.735</b>	<b>39.416.184.393</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.814.250.563)	(3.931.762.371)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	772.727.273	303.800.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(11.099.080.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	56.877.690	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.579.267.774	3.789.482.865
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>7.594.622.174</b>	<b>(10.937.559.506)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	434.260.837.362	384.585.114.502
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(441.216.976.649)	(394.000.683.606)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(770.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(6.956.139.287)</b>	<b>(9.416.339.104)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)</b>	50	<b>88.365.074.622</b>	<b>19.062.285.783</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>68.199.673.928</b>	<b>49.137.388.145</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	70	<b>156.564.748.550</b>	<b>68.199.673.928</b>

Lập ngày 29 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ HOA VINH

LÊ HOÀI THU

PHẠM THỊ CẨM ANH

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, tên cũ là Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005, thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty: 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng chẵn).

***Các hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty là:***

- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:

- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;

- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi và thi công cơ giới các công trình của công ty thông thường là trên 12 tháng.

Các chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường là trong vòng 12 tháng.

**II. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

***Chế độ kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này.

***Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp***

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

***Hình thức sổ kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính của các quý trước, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến đoạn trình bày dưới đây.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 244”). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong Báo cáo tài chính này như đã trình bày tại Thuyết minh số VII.3.

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Hàng tồn kho

**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/12/2015, không có hàng hóa nào cần trích lập dự phòng.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4. Các khoản phải thu (tiếp theo)**

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ghi sổ sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và những chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được thanh lý hay bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao của tài sản cố định hữu hình được ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và được ước tính như sau:

<b>Tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (Số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**Đầu tư vào các công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**6. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

***Đầu tư vào liên doanh***

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

***Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

***Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn***

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi thực tế đã phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

**9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**10. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần phụ trội do phát hành cổ phiếu với giá cao hơn so với mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và điều chỉnh theo các quy định khi lập Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

#### 12. Ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

**Doanh thu từ bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu Hợp đồng xây dựng:** Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành theo khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu giữa 2 bên.

**Thu nhập từ hoạt động tài chính**

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng:**

*Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm:* Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

**14. Ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

*Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:*

Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các năm sau.

**15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có)
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 22%.
- Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên cơ sở chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác** (tiếp theo)

đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tiền mặt	123.181.032	66.115.644
Tiền gửi ngân hàng	139.441.567.518	28.362.308.284
Các khoản tương đương tiền	17.000.000.000	39.771.250.000
-Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	17.000.000.000	22.700.000.000
-Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Quân đội	-	17.071.250.000
<b>Cộng</b>	<b>156.564.748.550</b>	<b>68.199.673.928</b>

**2 Phải thu của khách hàng**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b><i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i></b>	<b>175.438.937.658</b>	<b>162.612.842.658</b>
Viện VSDT Tây Nguyên - Xây dựng Nhà B.C	-	4.948.463.717
BV răng hàm mặt TPHCM	7.402.501.100	7.402.501.100
NHCT TPHCM - Phần ngầm	2.097.066.097	4.404.284.000
Bệnh viện Chợ Rẫy - TTâm Ung Bướu	57.080.299.795	-
Bệnh viện đa khoa Đồng Nai Phần thân	13.357.655.000	14.313.946.000
Trường ĐH công nghệ thông tin	6.673.476.939	1.620.977.665
Viện sốt rét côn trùng Quy Nhơn	4.934.682.000	8.938.952.000
Bệnh viện K Cơ sở Tân Triều	4.549.746.085	14.324.460.085
Bệnh viện K - Sân đường. điện nước ngoài nhà	1.170.285.000	2.478.478.463
Tòa nhà CT15.16 Tứ Hiệp Phần thân	4.573.076.670	-
CT9 Văn Phú Phần xây trát	5.271.491.950	17.864.355.082
Trường ĐH Y tế công cộng	3.572.000.000	-
Kè suối Săn Máu	1.874.385.000	-
Bệnh viện châm cứu TW	14.129.067.000	5.671.922.000
VCB Tây Ninh	3.042.189.086	922.697.436
Trụ sở chính Ngân hàng CT VN	31.272.887.713	31.272.887.713
Đối tượng khác	14.438.128.223	48.448.917.397
<b><i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan</i></b>	<b>4.573.076.670</b>	<b>3.643.686.968</b>
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	4.573.076.670	3.643.686.968
<b>Cộng</b>	<b>180.012.014.328</b>	<b>166.256.529.626</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. Phải thu khác**

	Cuối năm		Đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>84.142.633.318</b>	<b>61.025.555.900</b>	<b>91.021.826.216</b>	<b>42.717.888.500</b>
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.629.057.652	-	12.075.120.359	-
Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào (i)	61.025.555.900	61.025.555.900	61.025.555.900	42.717.888.500
Công ty TNHH Phong Thịnh (ii)	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iii)	3.436.929.990	-	3.436.929.990	-
Phải thu khác	1.703.929.776	-	3.137.059.967	-
	<b>84.142.633.318</b>	<b>61.025.555.900</b>	<b>91.021.826.216</b>	<b>42.717.888.500</b>

- (i) Bao gồm Gốc vay và lãi vay Công ty cho Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012 và lãi vay. Trong đó nợ gốc là 55.000.000.000 VND và lãi vay là 6.025.555.900 VND.
- (ii) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây truyền tuyến nội quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011, chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng (nhà máy đặt tại bản Poonglak, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào).
- (iii) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 122/2009/BCC - PVC HH ngày 02/06/2009 giữa Công ty và Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam.

**4 Hàng tồn kho**

	Cuối năm		Đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	129.024.420.189	-	60.798.697.091	-
<b>Cộng</b>	<b>129.024.420.189</b>	<b>-</b>	<b>60.798.697.091</b>	<b>-</b>

**5 Chi phí trả trước**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>5.1 Ngắn hạn</b>	-	-
<b>5.2 Dài hạn</b>	<b>39.412.827.693</b>	<b>1.598.955.641</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	901.577.693	1.598.955.641
Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN (*)	38.511.250.000	-
<b>Cộng</b>	<b>39.412.827.693</b>	<b>1.598.955.641</b>

(\*) Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25 tháng 12 năm 2015, Công ty xác định khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23 tháng 06 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc là một khoản tổn thất. Khoản tổn thất này được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 2 năm (năm 2015 và năm 2016). Số phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2015 số tiền 38.511.250.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>Đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số thực nộp trong năm</b>	<b>Cuối năm</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.566.884.439	-	-	2.566.884.439
	<b>2.566.884.439</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.566.884.439</b>

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Nhà cửa vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>I. NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>38.095.827</b>	<b>9.663.991.444</b>	<b>3.862.195.785</b>	<b>364.320.749</b>	<b>13.928.603.805</b>
- Mua trong năm	277.129.600	6.820.398.181	5.451.618.182	-	12.549.145.963
- Tặng khác	472.916.667	2.544.404.843	406.666.667	-	3.423.988.177
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.942.358.387)	-	(2.942.358.387)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>788.142.094</b>	<b>19.028.794.468</b>	<b>6.778.122.247</b>	<b>364.320.749</b>	<b>26.959.379.558</b>
<b>II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					<b>-</b>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>38.095.827</b>	<b>4.751.501.207</b>	<b>3.726.924.514</b>	<b>348.892.176</b>	<b>8.865.413.724</b>
- Khấu hao trong năm	141.796.337	3.812.034.320	363.604.571	14.242.800	4.331.678.028
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.942.358.387)	-	(2.942.358.387)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>179.892.164</b>	<b>8.563.535.527</b>	<b>1.148.170.698</b>	<b>363.134.976</b>	<b>10.254.733.365</b>
<b>III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					<b>-</b>
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>-</b>	<b>4.912.490.237</b>	<b>135.271.271</b>	<b>15.428.573</b>	<b>5.063.190.081</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>608.249.930</b>	<b>10.465.258.941</b>	<b>5.629.951.549</b>	<b>1.185.773</b>	<b>16.704.646.193</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. Tăng giảm bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>I. NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	<b>919.092.000</b>	<b>919.092.000</b>
- Tăng khác	2.000.000.000	2.000.000.000
Số dư cuối năm	<b>2.919.092.000</b>	<b>2.919.092.000</b>
<b>II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		-
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-
<b>III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		-
1. Tại ngày đầu năm	<b>919.092.000</b>	<b>919.092.000</b>
2. Tại ngày cuối năm	<b>2.919.092.000</b>	<b>2.919.092.000</b>

**9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Dự án cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh	2.925.525.563	2.660.420.963
Cộng	<u><b>2.925.525.563</b></u>	<u><b>2.660.420.963</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối năm			Đầu năm		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
<b>10.1 Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>153.785.100.000</b>	-	<b>153.785.100.000</b>	<b>163.785.100.000</b>	-	<b>163.785.100.000</b>
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	9.060.000.000	-	9.060.000.000	9.060.000.000	-	9.060.000.000
Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	141.436.580.000	-	141.436.580.000	141.436.580.000	-	141.436.580.000
Công ty Cổ phần Sản xuất cửa Hoa kỳ	3.288.520.000	-	3.288.520.000	3.288.520.000	-	3.288.520.000
Công ty TNHH Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	-	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
<b>10.2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>26.300.000.000</b>	<b>3.721.124.388</b>	<b>22.578.875.612</b>	<b>26.300.000.000</b>	<b>3.721.124.388</b>	<b>22.578.875.612</b>
Công ty Cổ phần Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	26.300.000.000	3.721.124.388	22.578.875.612	26.300.000.000	3.721.124.388	22.578.875.612
<b>10.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>6.200.500.000</b>	-	<b>6.200.500.000</b>	<b>83.223.000.000</b>	-	<b>83.223.000.000</b>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	4.200.500.000	-	4.200.500.000	4.200.500.000	-	4.200.500.000
Công ty ChacKka Phan MiNing Group	-	-	-	77.022.500.000	-	77.022.500.000
Công ty CP XNK thủy sản Quảng Ninh	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>186.285.600.000</b>	<b>3.721.124.388</b>	<b>182.564.475.612</b>	<b>273.308.100.000</b>	<b>3.721.124.388</b>	<b>269.586.975.612</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11 Phải trả người bán**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>243.606.988.828</b>	<b>243.606.988.828</b>	<b>110.733.524.329</b>	<b>110.733.524.329</b>
Nguyễn Sơn Cương	19.790.700.438	19.790.700.438	22.229.360.759	22.229.360.759
Phạm Vinh Hiền	6.135.925.236	6.135.925.236	6.750.661.331	6.750.661.331
Nguyễn Phúc Thịnh	4.219.751.690	4.219.751.690	4.219.751.690	4.219.751.690
Nguyễn Anh Học	4.136.259.812	4.136.259.812	4.386.259.812	4.386.259.812
Lê Quốc Tuấn	15.004.298.326	15.004.298.326	9.147.576.603	9.147.576.603
Nguyễn Thăng Long	2.033.750.728	2.033.750.728	2.033.750.728	2.033.750.728
Vũ Hoàng Nam	2.132.288.446	2.132.288.446	4.654.552.230	4.654.552.230
Nguyễn Hồ Vinh	3.508.510.742	3.508.510.742	3.277.722.350	3.277.722.350
Lưu Hoàng Long	15.589.770.585	15.589.770.585	3.361.944.133	3.361.944.133
Lê Văn Hùng	3.380.240.298	3.380.240.298	200.420.889	200.420.889
Nguyễn Thành Huy	2.150.462.203	2.150.462.203	1.174.166.078	1.174.166.078
Ban Vật Tư (Trương Trung Nghĩa)	103.019.160.615	103.019.160.615	18.790.901.475	18.790.901.475
Nguyễn Hoàng Quý	7.696.698.842	7.696.698.842	874.399.747	874.399.747
Nguyễn Văn Sơn	5.254.322.106	5.254.322.106	1.620.183.021	1.620.183.021
Phạm Sỹ Tôn	10.041.637.783	10.041.637.783	2.227.734.990	2.227.734.990
Nguyễn Ngọc Tú	3.512.099.051	3.512.099.051	911.003.554	911.003.554
Bùi Lâm Tùng	3.094.320.525	3.094.320.525	583.398.942	583.398.942
Đối tượng khác	32.906.791.402	32.906.791.402	24.289.735.997	24.289.735.997
<b>Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</b>	<b>28.291.176.425</b>	<b>28.291.176.425</b>	<b>37.086.115.784</b>	<b>37.086.115.784</b>
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	19.132.044.666	19.132.044.666	27.758.937.241	27.758.937.241
Công ty Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	-	-	9.093.657.571	9.093.657.571
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	80.970.464	80.970.464	121.102.172	121.102.172
Công ty CP Sản Xuất cửa Hoa Kỳ	9.078.161.295	9.078.161.295	112.418.800	112.418.800
<b>Phải trả người bán ngắn dài hạn là các bên liên quan</b>	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000
	<b>271.898.165.253</b>	<b>271.898.165.253</b>	<b>156.819.640.113</b>	<b>156.819.640.113</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm
- Thuế GTGT	1.121.398.452	12.366.098.807	10.114.105.351	3.373.391.908
- Thuế thu nhập cá nhân	47.456.390	388.561.626	389.537.454	46.480.562
	<b>1.168.854.842</b>	<b>12.754.660.433</b>	<b>10.503.642.805</b>	<b>3.419.872.470</b>

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn (trang 22)**

**14. Phải trả phải nộp khác (trang 22)**

**15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng chi trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng chi trả
<b>Ngắn hạn</b>	<b>49.934.737.268</b>	<b>49.934.737.268</b>	<b>429.468.437.362</b>	<b>440.395.901.649</b>	<b>60.862.201.555</b>	<b>60.862.201.555</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội	8.265.424.905	8.265.424.905	229.724.196.820	260.305.236.425	38.846.464.510	38.846.464.510
Ngân hàng TMCP Công thương	35.727.341.523	35.727.341.523	188.602.269.702	174.890.665.224	22.015.737.045	22.015.737.045
Ngân hàng Indovina	5.941.970.840	5.941.970.840	11.141.970.840	5.200.000.000	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>3.971.325.000</b>	<b>3.971.325.000</b>	<b>4.792.400.000</b>	<b>821.075.000</b>	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	3.971.325.000	3.971.325.000	4.792.400.000	821.075.000	-	-
Cộng	<b>53.906.062.268</b>	<b>53.906.062.268</b>	<b>434.260.837.362</b>	<b>441.216.976.649</b>	<b>60.862.201.555</b>	<b>60.862.201.555</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>18.230.322.866</b>	<b>3.292.054.079</b>
Trích trước chi phí công trình	18.230.322.866	3.292.054.079
<b>Cộng</b>	<b>18.230.322.866</b>	<b>3.292.054.079</b>

**14 Phải trả khác**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.516.679.551</b>	<b>3.009.946.725</b>
Kinh phí công đoàn	170.003.580	122.755.600
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	147.074.738	1.214.502.178
Cổ tức chưa trả	699.741.000	699.741.000
Phải trả, phải nộp khác	499.860.233	972.947.947
<b>Cộng</b>	<b>1.516.679.551</b>	<b>3.009.946.725</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. Vốn chủ sở hữu**

**15.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	2	3	8	4	5
- Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.070.769.403)	16.798.167.736	3.660.300.000	4.082.251.900	2.743.055.333	265.909.780.066
- Lãi tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	-	5.694.076.470	5.694.076.470
- Trích lập các quỹ	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	2.000.000.000
- Tăng khác	-	-	(9.246.669)	-	-	-	-	(9.246.669)
- Phân phối LNST	-	-	-	-	-	-	(2.743.055.333)	(2.743.055.333)
- Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.080.016.072)	17.798.167.736	4.660.300.000	4.082.251.900	5.694.076.470	270.851.554.534
- Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.080.016.072)	22.458.467.736	-	4.082.251.900	5.694.076.470	270.851.554.534
- Lãi tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	-	3.092.252.562	3.092.252.562
- Tăng khác	-	-	(9.286.546)	1.439.420.567	-	150.000.000	-	1.580.134.021
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(144.076.470)	(144.076.470)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>59.696.774.500</b>	<b>(21.089.302.618)</b>	<b>23.897.888.303</b>	<b>-</b>	<b>4.232.251.900</b>	<b>8.642.252.562</b>	<b>275.379.864.647</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>
Cộng	<b><u>200.000.000.000</u></b>	<b><u>200.000.000.000</u></b>

**15.3. Cổ phiếu**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	<b>20.000.000</b>	<b>20.000.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	<b>1.900.000</b>	<b>1.900.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	1.900.000	1.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>18.100.000</b>	<b>18.100.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	18.100.000	18.100.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cộng	<b><u>18.100.000</u></b>	<b><u>18.100.000</u></b>

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

**15.4. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	23.897.888.303	22.458.467.736
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	<u>4.232.251.900</u>	<u>4.082.251.900</u>
Cộng	<b><u>28.130.140.203</u></b>	<b><u>26.540.719.636</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Đơn vị tính: VND*

**1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	10.848.679.383	50.846.484.318
Doanh thu hợp đồng xây dựng	928.741.162.268	585.293.387.364
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.139.509.092	805.383.638
Cộng	<u><b>940.729.350.743</b></u>	<u><b>636.945.255.320</b></u>

**2 Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.848.679.383	50.846.484.318
Giá vốn của hoạt động xây dựng	858.496.765.402	545.884.757.920
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.137.330.647	730.710.183
Cộng	<u><b>870.482.775.432</b></u>	<u><b>597.461.952.421</b></u>

**3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.980.743.209	564.116.119
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.552.872.437	2.944.800.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	45.652.128	280.566.746
Cộng	<u><b>19.579.267.774</b></u>	<u><b>3.789.482.865</b></u>

**4 Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.831.481.294	9.008.837.402
Cộng	<u><b>6.831.481.294</b></u>	<u><b>9.008.837.402</b></u>

**5 Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý tài sản	772.727.273	94.363.636
Thu nhập khác	2.315.130.440	3.705.107.509
Cộng	<u><b>3.087.857.713</b></u>	<u><b>3.799.471.145</b></u>

**6 Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	36.156.206
Chi phạt nộp thuế	1.452.374.941	-
Chi phí khác		178.469.230
Cộng	<u><b>1.452.374.941</b></u>	<u><b>214.625.436</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.084.921.613</b>	<b>5.681.127.650</b>
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(3.084.921.613)	(5.681.127.650)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải nộp - 22%	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (22%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Các bên liên quan**

Trong năm hoạt động, Công ty phát sinh các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch với bên liên quan</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	208.049.091
	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	72.012.699.930	73.024.158.413
	Công ty con	Nhận cổ tức	362.400.000	724.800.000
Công ty Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.848.679.383	50.846.484.318
	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	132.956.250.900	228.160.127.060
	Công ty con	Nhận cổ tức	612.584.437	2.070.000.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	320.372.846.532	63.204.821.082
	Công ty con	Nhận cổ tức	14.427.987.000	-
Công ty CP Sản Xuất cửa Hoa Kỳ	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	31.255.695.480	16.634.238.920

Số dư các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch với các bên liên quan</i>	<i>Số dư tại</i>	
			<i>Ngày 31/12/2015</i>	<i>Ngày 01/01/2015</i>
<b>Phải thu khách hàng (Thuyết minh số V.02)</b>				
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con	Phải thu từ bán hàng hóa, dịch vụ	4.573.076.670	3.643.686.968
<b>Trả trước cho người bán:</b>				
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	Trả trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ	2.578.730.490	57.192.988
Công ty Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	Trả trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ	-	9.151.793.041
Công ty CP Sản Xuất cửa Hoa Kỳ	Công ty con	Trả trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ	1.780.000.000	7.895.769.500
			<b>4.358.730.490</b>	<b>17.104.755.529</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**Phải trả người bán (Thuyết minh số V.11)**

Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	Phải trả từ mua hàng hóa, dịch vụ	19.132.044.666	36.758.937.241
Công ty Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	Phải trả từ mua hàng hóa, dịch vụ	-	9.093.657.571
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con	Phải trả từ mua hàng hóa, dịch vụ	80.970.464	121.102.172
Công ty CP Sản Xuất cửa Hoa Kỳ	Công ty con	Phải trả từ mua hàng hóa, dịch vụ	9.078.161.295	112.418.800
			<b>28.291.176.425</b>	<b>46.086.115.784</b>

**Người mua trả tiền trước**

Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con	Ứng trước tiền cung cấp hàng hóa và dịch vụ	4.177.658.125	44.764.876.809
------------------------------------	-------------	---	---------------	----------------

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)

**2. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

**3. Phân loại lại số liệu tương ứng**

Số dư đầu năm của một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<b>Chỉ tiêu theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC</b>	<b>Chỉ tiêu theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC</b>	<b>Số tiền</b>
Tài sản ngắn hạn khác	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	12.075.120.359
Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	4.660.300.000

*Lập ngày 29 tháng 03 năm 2016*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Phó Tổng Giám đốc**

**NGUYỄN THỊ HOA VINH**

**LÊ HOÀI THU**

**PHẠM THỊ CẨM ANH**